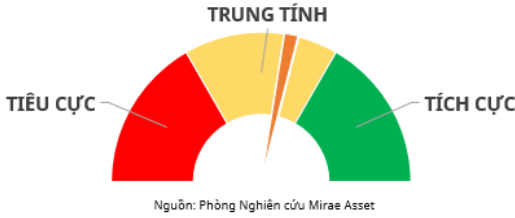


Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,174.82	1.69	-8.51	-9.37
HNX	281.99	1.83	-7.98	-3.75
UPCOM	86.78	0.62	-7.40	3.45
MSCI EM	981.15	-1.84	-6.97	-26.05
NIKKEI	26,336.66	-1.77	-5.35	-7.81
HANG SENG	20,844.74	-1.32	-4.41	-24.24
KOSPI	2,317.76	-0.96	-10.71	-28.61
FTSE	7,167.35	-0.41	-2.05	0.59
S&P 500	3,854.43	-1.15	-1.19	-12.09
NASDAQ	11,372.60	-2.26	0.29	-22.81

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	12.75	1.98	15.73
SET INDEX	16.61	1.14	9.17
JCI INDEX	14.43	2.01	13.26
PCOMP INDEX	18.20	1.56	8.96

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.38	-1	0	131
10 năm	3.24	0	9	107

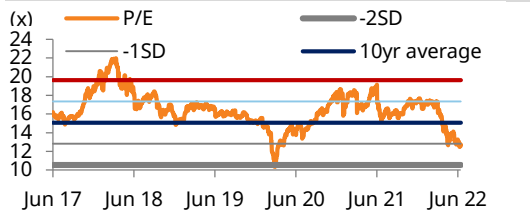
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,366	-0.06	-0.70	-1.53
US\$/KRW	1,312	-0.64	-2.16	-12.60
US\$/JPY	137	0.17	-2.03	-19.56
US\$/EUR	1.00	0.31	3.98	18.49
US\$/GBP	0.85	0.49	2.52	17.33
US\$/SGD	1.41	-0.11	-0.89	-3.95

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	432	497	917
HNX	46	52	120
UPCOM	22	39	71

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



Nhận định thị trường

ĐÁY CHƯA?

Nếu như ở phiên trước, áp lực bán và nhiều mã cổ phiếu giảm mạnh thì lực cầu mạnh được kích hoạt tại phiên hôm nay đã khiến cho nhiều cổ phiếu quay đầu tăng điểm trở lại. Kết phiên, VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong ngày với mức tăng hơn 19,5 điểm và dừng chân tại 1,174 điểm tăng 1,7% so với phiên trước. Thanh khoản có phần giảm nhẹ khi chỉ đạt hơn 475 triệu đơn vị khớp lệnh giảm 2,6% với ngày hôm qua.

Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp nổi sóng bật tăng mạnh mẽ với nhiều mã đóng cửa ở mức trần như KBC, LHG, ITA. Bên cạnh đó, nhóm thủy sản cũng hồi phục mạnh mẽ với ANV, ACL, VHC. Tuy nhiên, nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn VN30 không có đà tăng mạnh như thị trường chung khi chỉ tăng hơn 10 điểm. GVR là mã tăng tốt nhất với mức kịch trần và ở vị trí thứ 2 là BID với 5,5%. Còn ở chiều giảm điểm VJC giảm hơn 1,5%.

Khối ngoại chuyển sang bán ròng hơn 316 tỷ đồng trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đứng đầu ở chiều bán ròng là VHM và VCB với giá trị lần lượt đạt 86 tỷ và 42 tỷ đồng. Còn ở chiều ngược lại, STB mua ròng hơn 25 tỷ.

Với diễn biến tăng điểm mạnh đã giúp cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index được cải thiện từ mức -2 điểm lên mức +2 điểm và vẫn giữ mức đánh giá TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Hệ số P/E hiện tại đạt 12,8x.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-7	TIÊU CỰC
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	6	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (12/07/2022)	1.174	Kháng cự 1 1.180
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.200
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.100
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.060

VN-Index bật tăng mạnh và đóng cửa ở mức cao nhất ngày và xóa đà giảm điểm của phiên trước.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

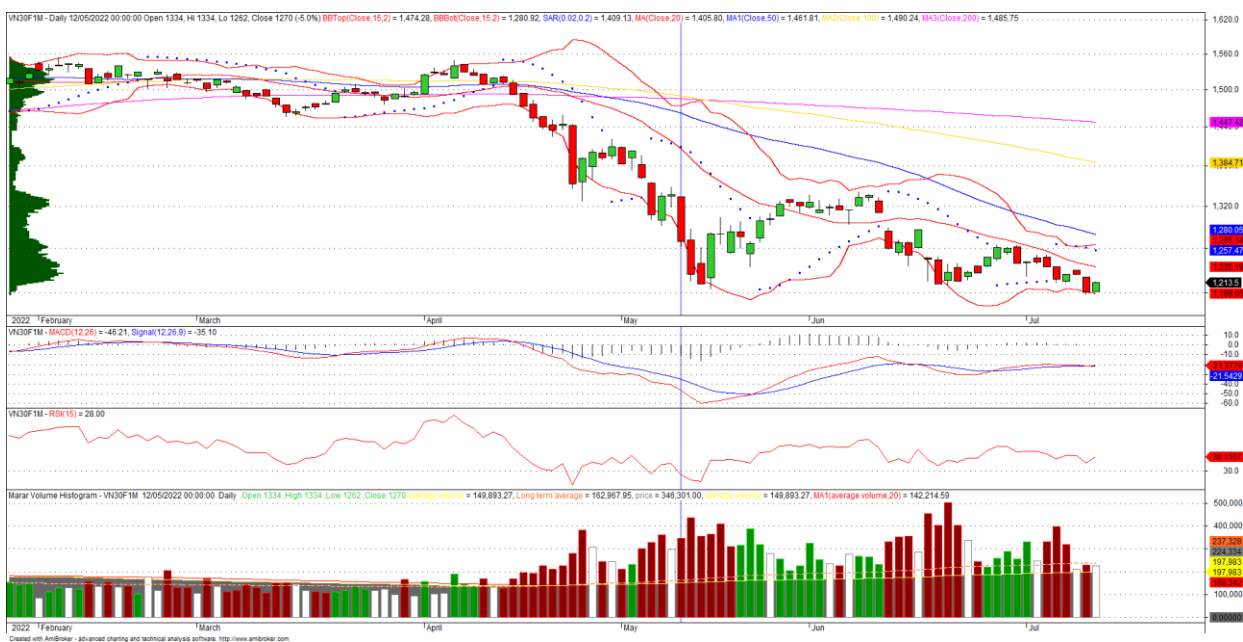
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (12/07/2022)	1.200,7	Kháng cự 1	1.220
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.250
VN30 - đóng cửa	1.229	Hỗ trợ 1	1.210
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-8,3	Hỗ trợ 2	1.180

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-5	TIÊU CỰC

VN30F1M đóng cửa phục hồi và có xu hướng kiểm định lại ngưỡng kháng cự mạnh tại 1,220

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
DBC	Thực phẩm	26,650	3,222,115	99	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
DIG	42.9	9,312,035	5	KHẢ QUAN	21,445	20.3	2.9	399
SSI	20.9	16,603,710	5	KHẢ QUAN	31,144	7.4	1.5	347
GEX	21.7	9,019,925	5	KHẢ QUAN	18,477	16.1	1.5	196
DXG	21.85	7,776,725	5	KHẢ QUAN	13,275	14.5	1.4	170
HAG	10.5	15,606,825	5	KHẢ QUAN	9,738	19.0	2.1	164
NKG	19.3	7,651,035	5	KHẢ QUAN	5,081	2.0	0.8	148
CEO	30	4,731,410	5	KHẢ QUAN	7,720	52.6	2.5	142
KBC	35.5	3,189,865	5	KHẢ QUAN	27,250	41.0	1.9	113
IDC	56.8	1,754,520	5	KHẢ QUAN	18,744	28.5	4.5	100
HBC	19.8	4,389,945	5	KHẢ QUAN	4,864	44.2	1.3	87
DBC	26.65	3,222,115	5	KHẢ QUAN	6,449	13.6	1.4	86
NLG	37.6	1,868,700	5	KHẢ QUAN	14,399	19.8	1.6	70
CII	19.05	3,648,185	5	KHẢ QUAN	4,805	15.0	0.9	69
HDC	40.75	1,484,880	5	KHẢ QUAN	4,404	13.2	2.9	61
VCG	19.65	2,960,005	5	KHẢ QUAN	9,548	11.4	1.4	58
TCH	11.6	4,423,625	5	KHẢ QUAN	7,751	15.1	0.9	51
SCR	10.55	3,905,115	5	KHẢ QUAN	3,865	18.5	0.8	41
LDG	9.73	3,532,725	5	KHẢ QUAN	2,330	17.2	0.7	34
PAN	21.8	1,550,325	5	KHẢ QUAN	4,554	13.0	1.1	34
HQC	4.38	7,069,460	5	KHẢ QUAN	2,088	257.2	0.5	31
SZC	48.15	629,895	5	KHẢ QUAN	4,815	17.4	3.4	30
FCN	14.3	2,113,485	5	KHẢ QUAN	2,251	40.1	0.8	30
VND	18.3	26,240,804	4	KHẢ QUAN	22,286	5.3	1.4	480
VCI	36.95	3,899,265	4	KHẢ QUAN	12,378	7.6	1.7	144
HSG	18.1	7,915,080	4	KHẢ QUAN	9,021	2.5	0.8	143
LPB	13.4	8,189,015	4	KHẢ QUAN	20,148	6.1	1.1	110
HUT	27.4	3,247,595	4	KHẢ QUAN	9,553	52.2	2.4	89
ITA	7.7	9,542,080	4	KHẢ QUAN	7,225	32.7	0.7	73
BVH	55.9	1,263,980	4	KHẢ QUAN	41,496	22.1	1.9	71
VIX	10.45	6,410,630	4	KHẢ QUAN	5,739	5.1	0.9	67
AAA	11.75	3,193,595	4	KHẢ QUAN	3,836	12.2	0.8	38
LCG	10.9	3,307,965	4	KHẢ QUAN	1,879	9.5	0.8	36

SBT	17.95	1,982,825	4	KHẢ QUAN	11,293	15.7	1.3	36
VNM	73.3	2,471,450	3	TRUNG TÍNH	153,194	16.7	4.8	181
HNG	5.6	5,867,665	3	TRUNG TÍNH	6,208	#N/A N/A	1.2	33
CTD	62	479,705	3	TRUNG TÍNH	4,579	#N/A N/A	0.6	30
HPG	22.3	20,268,790	2	TRUNG TÍNH	129,670	3.9	1.3	452
STB	22.6	16,042,605	2	TRUNG TÍNH	42,606	10.8	1.2	363
MBB	25.05	8,868,335	2	TRUNG TÍNH	94,647	6.9	1.5	222
VHC	80.3	1,722,000	2	TRUNG TÍNH	14,725	9.6	2.3	138
HCM	23.5	5,250,125	2	TRUNG TÍNH	10,744	9.0	1.4	123
SHS	14.3	7,342,145	2	TRUNG TÍNH	5,399	4.6	1.1	105
PDR	52.6	1,610,350	2	TRUNG TÍNH	35,329	18.9	4.8	85
SHB	13.65	5,720,875	2	TRUNG TÍNH	36,403	5.7	1.0	78
BCG	14.85	4,407,695	2	TRUNG TÍNH	7,474	6.8	1.2	65
VIB	24.3	2,460,825	2	TRUNG TÍNH	51,216	7.6	2.0	60
TPB	26.7	1,916,495	2	TRUNG TÍNH	42,233	8.1	1.5	51
MIG	23.1	1,433,290	2	TRUNG TÍNH	3,799	14.9	2.1	33
KSB	25.5	1,261,690	2	TRUNG TÍNH	1,946	9.1	1.0	32
GVR	22.4	1,421,585	2	TRUNG TÍNH	89,600	20.4	1.8	32
ORS	14.55	2,140,660	2	TRUNG TÍNH	2,910	#N/A N/A	1.2	31
KDH	35.6	752,095	2	TRUNG TÍNH	25,177	20.9	2.4	27
GIL	52.8	496,950	2	TRUNG TÍNH	3,168	6.0	1.3	26
BID	36.4	1,908,215	1	TRUNG TÍNH	184,130	16.1	2.1	69
POW	12.95	18,772,164	0	TRUNG TÍNH	30,327	15.1	1.0	243
DGC	100	2,140,385	0	TRUNG TÍNH	37,124	11.5	5.1	214
TCB	36.1	4,947,490	0	TRUNG TÍNH	126,744	6.6	1.3	179
VIC	69.9	1,837,610	0	TRUNG TÍNH	266,594	#N/A N/A	2.5	128
PVD	16.6	6,468,650	0	TRUNG TÍNH	8,389	146.6	0.6	107
REE	75.9	1,404,435	0	TRUNG TÍNH	26,975	12.7	2.0	107
HAH	63.8	1,595,520	0	TRUNG TÍNH	4,357	7.9	2.6	102
CTG	25.7	3,825,800	0	TRUNG TÍNH	123,508	10.0	1.3	98
HDG	45.4	2,068,150	0	TRUNG TÍNH	11,105	10.5	2.4	94
VGC	50.5	1,371,425	0	TRUNG TÍNH	22,642	13.7	2.9	69
NT2	23.15	2,563,870	0	TRUNG TÍNH	6,664	12.0	1.5	59
ACB	24	2,333,280	0	TRUNG TÍNH	81,058	7.8	1.7	56
PVT	19.5	2,755,660	0	TRUNG TÍNH	6,311	9.3	1.2	54
ASM	14.25	3,638,555	0	TRUNG TÍNH	4,796	6.9	0.9	52
VOS	16.9	1,924,020	0	TRUNG TÍNH	2,366	4.2	2.2	33
DPG	41.3	777,535	0	TRUNG TÍNH	2,602	7.3	1.8	32
CTR	61.4	424,200	0	TRUNG TÍNH	7,024	17.9	5.0	26
BSR	23.4	16,374,065	-2	TRUNG TÍNH	72,862	11.1	1.9	383
VPB	27.75	8,118,680	-2	TRUNG TÍNH	123,362	7.2	1.4	225
PVS	24.2	9,291,285	-2	TRUNG TÍNH	11,567	17.2	1.0	225
MWG	64.4	3,311,485	-2	TRUNG TÍNH	94,263	18.3	4.2	213
VHM	60.2	3,050,520	-2	TRUNG TÍNH	262,133	6.9	2.0	184
DPM	47.5	3,649,675	-2	TRUNG TÍNH	18,588	3.7	1.5	173
DCM	28.5	5,577,430	-2	TRUNG TÍNH	15,088	5.1	1.7	159
FPT	83.5	1,690,500	-2	TRUNG TÍNH	91,602	19.4	4.7	141
GAS	99	1,243,420	-2	TRUNG TÍNH	189,481	19.4	3.5	123

GMD	49.1	2,129,505	-2	TRUNG TÍNH	14,798	21.8	2.2	105
PNJ	116.8	883,725	-2	TRUNG TÍNH	28,308	21.5	3.5	103
ANV	45.4	1,870,210	-2	TRUNG TÍNH	5,772	21.3	2.3	85
IDI	19	3,379,645	-2	TRUNG TÍNH	4,325	13.7	1.4	64
VPI	61.9	1,035,505	-2	TRUNG TÍNH	13,618	33.6	4.5	64
KDC	58.7	1,065,645	-2	TRUNG TÍNH	14,770	24.1	2.2	63
FLC	5.96	7,976,305	-2	TRUNG TÍNH	4,232	#N/A N/A	0.5	48
PHR	66.3	424,625	-2	TRUNG TÍNH	8,984	13.0	2.7	28
CSV	43.35	642,040	-2	TRUNG TÍNH	1,916	7.2	1.6	28
FRT	78	1,447,440	-4	TIÊU CỰC	9,241	16.0	5.1	113
TNG	26.1	3,548,955	-4	TIÊU CỰC	2,613	9.7	1.8	93
PC1	35	2,580,865	-4	TIÊU CỰC	8,231	10.8	1.7	90
MSN	102	785,315	-4	TIÊU CỰC	145,220	14.5	5.3	80
GEG	21.25	2,923,175	-4	TIÊU CỰC	6,841	19.5	1.9	62
VRE	26.2	1,804,670	-4	TIÊU CỰC	59,535	65.4	1.9	47
HDB	23.5	1,795,500	-4	TIÊU CỰC	47,287	7.3	1.5	42
NVL	73.4	2,397,305	-6	TIÊU CỰC	143,118	33.9	3.9	176
DGW	55.2	686,440	-6	TIÊU CỰC	9,002	11.6	4.4	38
VJC	125.5	640,185	-7	TIÊU CỰC	67,972	347.2	4.0	80
VCB	71.9	977,820	-7	TIÊU CỰC	340,268	14.8	2.9	70

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Đồng euro giảm xuống mức thấp nhất trong 20 năm

Nguy cơ về một cuộc khủng hoảng năng lượng ở châu Âu là một trong những nhân tố chính khiến đồng euro tiếp tục mất giá, đặc biệt so với đồng USD. Trong phiên giao dịch chiều 11/7, tỷ giá đồng euro đã giảm xuống mức thấp nhất trong 20 năm qua và gần như ngang giá với đồng USD. Theo phóng viên TTXVN tại Đức, trong bối cảnh kỳ nghỉ hè đã tới, người dân Khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) khi chi tiêu đồng euro ở khu vực ngoài Eurozone sẽ cảm nhận rõ sự mất giá của đồng euro, nhất là khi so sánh với đồng USD. Trong phiên giao dịch chiều 11/7, tỷ giá đồng euro đạt mức thấp nhất trong 20 năm qua khi chỉ đổi được 1,0053 USD, tức gần như đổi 1-1 giữa đồng euro và đồng bạc xanh - hai đồng tiền được coi có mức giao dịch và được sử dụng nhiều nhất thế giới này.

Vấn đề "room" tín dụng sẽ được NHNN quán triệt trong tuần này

Thông tin về nới "room" tín dụng đang được thị trường quan tâm và mong chờ khi nhiều ngân hàng đã chạm trần tăng trưởng ngay từ cuối quý I và đầu quý II. Những năm trước, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thường xem xét cấp hạn mức tín dụng cho các ngân hàng vào đầu quý I, rồi sẽ thực hiện điều chỉnh 1 – 2 lần để phù hợp với mục tiêu điều hành. Gần nhất, năm 2021, NHNN đã có 2 đợt nới hạn mức tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng: lần 1 diễn ra vào trung tuần tháng 7 và lần 2 thực hiện vào cuối tháng 11. Tại Hội nghị triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất 2% tổ chức ngày 6/7, Phó Thống đốc Thường trực NHNN Đào Minh Tú cho biết, cuối tuần này, NHNN sẽ tổ chức hội nghị sơ kết hoạt động ngành Ngân hàng 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm. Tại hội nghị, NHNN sẽ quán triệt về vấn đề tăng trưởng tín dụng của các NHTM. Trước đó, ông Tú nói rằng ngay từ khi phân bổ "room" tín dụng kỳ đầu tiên, NHNN đã nhận thấy tín dụng năm nay sẽ tăng mạnh hơn năm trước rất nhiều. Tuy nhiên, điều quan trọng là kiểm soát tăng trưởng tín dụng ở mức độ nào để kiểm soát lạm phát. "Tăng trưởng tín dụng nóng dẫn đến kiểm soát lạm phát khó khăn. Ngược lại, thắt chặt tín dụng thì không thể tăng trưởng kinh tế. Do vậy, "room" tín dụng phải giải quyết thỏa đáng", Phó Thống đốc cho hay: "Nới hạn mức tăng trưởng tín dụng là một đề xuất rất cần thiết của các ngân hàng thương mại. Và cơ quan quản lý cũng sẽ xem xét, tính toán, điều hành khối lượng tín dụng đưa ra nền kinh tế. Trong đó, tăng trưởng tín dụng đầu tiên là phải phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát, phù hợp với chính sách lãi suất và các quan hệ vĩ mô khác; đồng thời tạo dư địa để cho chính sách hỗ trợ lãi suất 2% được thực hiện".

MWG: Chuỗi Bách Hóa Xanh giảm 168 cửa hàng trong hơn 2 tháng

Theo cập nhật trên website, tính đến 12/7, chuỗi thực phẩm hàng tiêu dùng Bách Hóa Xanh (BHX) của Đầu tư Thế Giới Di Động ([HoSE: MWG](#)) có 1.972 cửa hàng, giảm 132 cửa hàng so với cuối tháng 5 và giảm 168 cửa hàng so với cuối tháng 4. Chuỗi BHX đang trải qua đợt tái cấu trúc lớn để hướng tới IPO và

chuẩn bị cho chiến lược mở rộng “thần tốc” từ 2023. Cụ thể, ông Nguyễn Đức Tài, Chủ tịch HĐQT cho biết trong năm 2022, chuỗi Bách Hóa Xanh tạm ngưng mở mới để tập trung cải thiện quản trị, tăng trải nghiệm khách hàng, chất lượng dịch vụ thu hút người dùng và tối ưu nền tảng quản trị back-end (hỗ trợ hoạt động website hoặc ứng dụng) bằng hệ thống tự động. 4 tháng đầu năm, chuỗi vẫn tăng số lượng cửa hàng từ 2.106 cuối năm 2021 lên 2.140. Lãnh đạo MWG lý giải các cửa hàng khai trương mới do đã lên kế hoạch và ký hợp đồng thuê mặt bằng từ năm trước.

RTB: Giá vốn tăng mạnh, lãi công ty mẹ quý II giảm hơn 15%

Cao su Tân Biên ([UPCoM:RTB](#)) công bố BCTC công ty mẹ quý II với doanh thu thuần tăng 48% lên 213,3 tỷ đồng. Doanh thu tài chính đi ngang ở mức 2,8 tỷ đồng. Trong quý II đơn vị ghi nhận 59,2 triệu đồng chi phí lãi vay và không còn khoản 1,1 tỷ đồng chi phí tài chính khác. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều ghi nhận mức tăng lần lượt là 84,8% và 45% lên 2,1 tỷ đồng và 5,7 tỷ đồng. Ngoài ra, thu nhập khác từ việc thanh lý cây cao su trong quý II giảm gần 13% còn 65,6 tỷ đồng. Kết quả lợi nhuận sau thuế giảm 15,3% còn 55,9 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 635 đồng, cùng kỳ 751 đồng. Lũy kế 6 tháng, công ty đạt 347,1 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 39,5%, lãi sau thuế 94,4 tỷ đồng, tăng 5,4%. Lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng từ 1.018 đồng lên 1.073 đồng.

SMB: Giá vật tư tăng chậm hơn dự kiến, lãi quý II tăng 47%

Bia Sài Gòn - Miền Trung ([HoSE: SMB](#)) vừa công bố kết quả kinh doanh quý II với doanh thu 399,2 tỷ đồng, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán hàng đạt 374,8 tỷ đồng, tăng 24,7%, doanh thu cung cấp dịch vụ là 21,6 tỷ đồng, tăng 5%. Giá vốn hàng bán tăng 20,5% lên 276,1 tỷ đồng giúp biên lãi gộp cải thiện từ 29,1% lên 30,8%. Doanh thu từ hoạt động tăng 332% nhờ phát sinh lãi tiền gửi và cho vay là 5,2 tỷ đồng. Các chi phí hoạt động của doanh nghiệp như chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt 134,7%, 10,2% và 8,6%. Kết quả, doanh nghiệp thu về 72,5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 47,3% so với quý II/2021. EPS tăng từ 1.650 đồng lên 2.432 đồng. Lũy kế 6 tháng, Bia Sài Gòn - Miền Trung ghi nhận doanh thu 682,4 tỷ đồng, lãi sau thuế 109 tỷ đồng, lần lượt tăng 14,5% và 40,3% so với cùng kỳ 2021.

TCH chốt quyền trả cổ tức 3%

Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy ([HoSE: TCH](#)) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua việc trả cổ tức năm 2021 bằng tiền tỷ lệ 3%, 1 cổ phiếu được nhận 300 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng 25/7 và ngày thanh toán 22/8. Với 668 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự chi 200 tỷ đồng để thanh toán cổ tức đợt này. Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên diễn ra ngày 5/7, cổ đông công ty đã thông qua mức chia cổ tức tiền mặt cho năm 2021 tỷ lệ 3%. Phương án này dựa trên kết quả lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 401 tỷ đồng, giảm 56% so với thực hiện 2020. Năm 2022 (niên độ kế toán từ 1/4 đến 31/3), doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu 3.000 tỷ đồng, tăng 9%; lãi sau thuế 900 tỷ

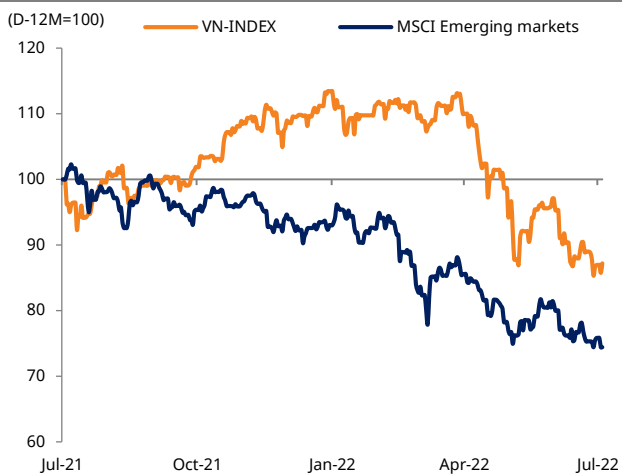
đồng, tăng 48% so với thực hiện năm trước. Trong năm nay, bên cạnh mảng kinh doanh xe ô tô, công ty đang tập trung nguồn lực để thực hiện đầu tư đồng loạt các dự án bất động sản ở Hà Nội và Hải Phòng. Ban giám đốc xác định giai đoạn tới sẽ là giai đoạn đặc biệt quan trọng trong xu thế mở rộng, phát triển của công ty. Theo đó, doanh nghiệp bắt đầu triển khai các dự án quy mô lớn như Hoàng Huy Commerce (diện tích 3 ha, tổng đầu tư xấp xỉ 5.000 tỷ đồng), Hoàng Huy Green River (diện tích 70 ha, tổng đầu tư 14.000 tỷ đồng)...

HAX: Lãi công ty mẹ quý II gấp gần 13 lần cùng kỳ, hàng tồn kho giảm mạnh

Haxaco ([HoSE: HAX](#)) công bố BCTC công ty mẹ quý II với doanh thu 1.475 tỷ đồng, tăng 27% và lợi nhuận sau thuế 82 tỷ đồng, gấp 12,6 lần cùng kỳ năm trước. Biên lợi nhuận gộp đạt 8,6%, cải thiện so với mức 6,4 lần quý I và 3,54% cùng kỳ năm trước; doanh thu tài chính tăng mạnh từ hơn 100 triệu đồng lên 11,8 tỷ đồng; hoạt động khác tăng lãi từ 6 tỷ lên 9 tỷ đồng là các yếu tố thúc đẩy lợi nhuận công ty phân phối Mercedes-Benz. Kết quả kinh doanh Haxaco giảm sâu trong quý II và III năm trước do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, đặc biệt là quý III hoạt động kinh doanh gần như bị đóng băng. Lũy kế 6 tháng, công ty đạt 3.080 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 23,5%; lãi sau thuế 138 tỷ đồng, tăng 34%.

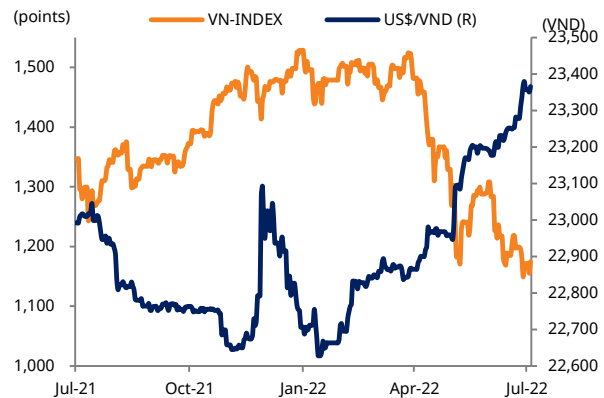
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



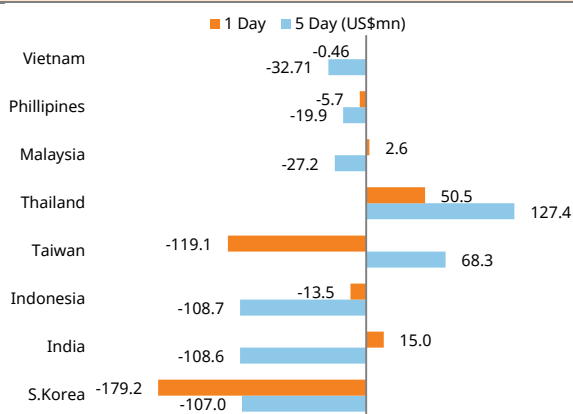
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



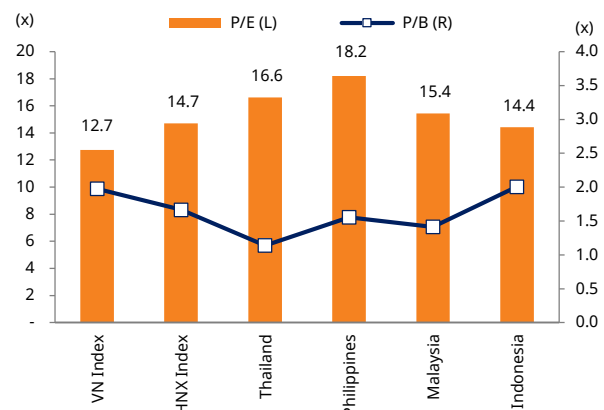
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



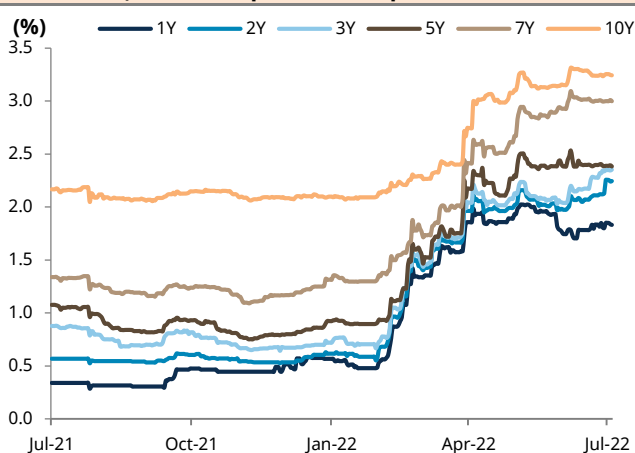
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Định giá P/E và P/B các thị trường



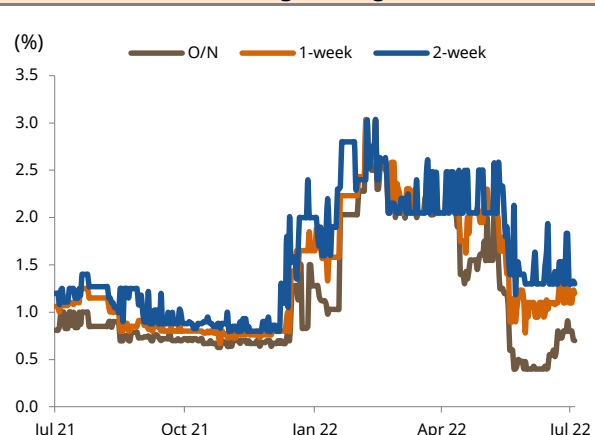
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,219.44	3,202,487		0.9	-0.8	-8.0	-15.5	11.4	10.0	2.2	1.8	38.5	14.2	19.6	20.9
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,000	81,058	30.0	2.1	-0.6	-4.8	-8.4	8.6	6.5	1.8	1.4	24.6	31.0	23.5	24.9
BIDV	BID VN	36,400	184,130	16.9	5.5	0.3	7.7	9.0	21.1	13.8	2.2	1.9	50.3	52.4	11.0	16.0
Bao Viet Holdings	BVH VN	55,900	41,496	26.6	2.4	1.6	3.9	11.1	21.9	17.5	2.0	1.8	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	25,700	123,508	26.5	0.8	-2.3	-5.2	-26.6	8.8	6.6	1.3	1.1	18.2	32.8	15.8	18.3
FPT Corp	FPT VN	83,500	91,602	49.0	0.8	0.5	-8.9	16.4	23.0	17.2	5.1	4.4	21.5	33.6	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	99,000	189,481	2.9	4.3	5.2	-16.6	12.5	22.7	14.4	3.7	3.2	8.1	58.1	16.8	23.4
Vietnam Rubber Group	GVR VN	22,400	89,600	0.5	6.9	8.0	-14.2	-23.8	21.5	18.4	1.9	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	23,500	47,287	17.2	2.6	-2.1	-9.3	-13.1	7.7	6.3	1.6	1.3	42.5	22.1	23.3	22.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	22,300	129,670	20.5	1.1	2.5	-13.7	-35.5	4.0	4.2	1.4	1.1	151.5	-3.6	42.8	27.9
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	35,600	25,177	32.2	1.7	0.0	-4.4	8.2	21.9	18.3	2.5	2.2	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	25,050	94,647	23.2	2.7	-0.2	-8.9	-15.9	7.5	6.1	1.6	1.3	53.0	22.4	23.6	23.8
Masan Group Corp	MSN VN	102,000	145,220	28.8	-0.5	-1.0	-12.8	2.1	16.8	22.3	4.4	3.7	589.7	-24.6	35.1	18.2
Mobile World Investment Corp	MWG VN	64,400	94,263	97.4	-0.2	0.6	-14.1	9.4	18.7	15.9	4.5	4.0	18.2	17.7	27.3	26.0
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	73,400	143,118	5.9	0.0	-0.8	-4.7	-8.5	40.4	27.7	4.0	3.6	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	52,600	35,329	2.4	0.6	0.6	-0.2	-21.1	19.6	#N/A	5.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	40,400	51,332	17.3	2.3	3.6	-10.2	-18.6	22.6	18.8	2.0	2.0	160.6	19.9	9.7	11.0
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	116,800	28,308	49.0	1.1	0.7	-3.2	14.4	27.8	18.3	4.4	3.3	-2.6	52.0	17.0	23.5
PetroVietnam Power Corp	POW VN	12,950	30,327	2.3	3.6	1.2	-13.7	27.6	17.1	15.6	1.1	1.0	-24.2	9.8	6.2	6.4
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	153,600	98,501	62.7	-1.0	-1.7	-2.6	-3.3	27.9	22.3	4.6	4.2	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	20,900	31,144	34.0	1.2	9.4	-20.2	-32.0	8.6	7.9	1.5	1.2	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	22,600	42,606	21.8	2.5	0.0	3.2	-20.4	13.9	12.9	1.2	1.1	30.6	7.4	9.5	11.6
Techcombank	TCB VN	36,100	126,744	22.5	1.4	-4.5	-4.9	-32.5	7.0	5.9	1.4	1.1	46.1	19.1	21.7	20.8
Tien Phong Bank	TPB VN	26,700	42,233	30.0	2.7	-2.7	-10.1	2.8	8.3	11.6	1.6	1.3	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	71,900	340,268	23.5	-0.1	-4.8	-7.5	-14.3	17.1	12.8	3.1	2.5	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	60,200	262,133	23.3	-0.5	-1.3	-11.9	-27.5	6.7	8.2	2.1	1.7	40.9	-18.3	36.9	22.8
Vingroup JSC	VIC VN	69,900	266,594	12.2	-0.1	0.1	-10.4	-24.4	#N/A	76.9	2.6	2.6	-145.6	232.7	-2.8	3.5
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	125,500	67,972	16.8	-1.5	-2.9	-1.7	4.6	902.9	44.9	4.0	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.9
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	73,300	153,194	54.4	0.4	0.4	5.5	-15.1	16.2	16.7	4.6	4.4	-5.3	-2.8	29.3	28.3
VPBank	VPB VN	27,750	123,362	17.4	0.9	-4.0	-10.2	-22.0	10.5	6.5	1.6	1.2	11.6	62.3	17.9	20.3
Vincom Retail JSC	VRE VN	26,200	59,535	31.1	0.8	-3.0	-14.1	-3.0	45.3	26.8	1.9	1.8	-44.8	69.2	4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				Tăng trưởng EPS (%)*		P/E (X)*	
		1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	4,589,538	1.7	0.7	-8.5	-9.4	35.2	17.5	17.3	11.6
Ô tô và phụ tùng	8,808	3.2	1.8	-5.8	21.0	-0.3	32.4	15.9	11.1
Ngân hàng	1,464,107	1.7	-2.2	-4.1	-12.9	32.1	28.8	12.9	8.2
Xây dựng cơ bản	224,153	5.1	8.3	-11.1	36.2	19.9	31.3	19.6	9.8
Dịch vụ thương mại	5,597	0.9	1.2	-1.8	30.9	-5.1	33.5	16.5	12.4
May mặc và trang sức	50,584	0.9	2.1	-9.1	10.5	11.7	61.0	16.2	10.3
Dịch vụ tiêu dùng	7,355	0.6	-0.1	-2.8	7.2	1798.5	165.3	95.3	28.0
Dịch vụ tài chính	114,246	2.7	4.4	-13.0	-6.3	143.8	10.5	11.8	6.4
Dầu khí	69,163	3.1	4.6	-12.4	-11.6	83.2	9.1	28.0	19.0
Thực phẩm, đồ uống	514,345	0.5	0.4	-3.6	4.7	28.6	14.5	23.3	16.9
Y tế	3,212	2.6	7.2	0.4	87.7	65.3	13.9	28.7	20.5
Bảo hiểm	54,545	2.3	1.5	1.1	15.8	28.2	-2.5	18.4	18.5
Nguyên vật liệu	372,084	3.6	4.7	-15.3	11.7	118.0	-3.5	8.8	6.2
Dược phẩm	28,481	0.3	0.7	-5.2	0.0	7.4	5.1	18.1	14.6
Bất động sản	1,014,521	0.7	0.5	-9.4	-10.3	8.0	10.2	24.4	16.7
Bán lẻ	111,121	0.7	0.6	-14.0	51.4	33.8	24.1	11.6	8.4
Phần mềm và dịch vụ	98,791	1.0	0.6	-8.5	20.5	22.6	23.3	18.4	16.1
Vận tải	179,391	0.0	1.1	-6.0	13.3	-29.1	56.1	#N/A	#N/A
Tiện ích	319,808	3.7	4.1	-13.5	17.8	10.1	16.8	16.6	15.4

Nguồn: Bloomberg, (*) Mirae Asset Research dự phóng

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BID VN	36,400	5.5	1,671,000	2.5
GAS VN	99,000	4.3	779,400	2.0
GVR VN	22,400	6.9	2,467,200	1.5
MBB VN	25,050	2.7	5,855,800	0.6
BCM VN	61,400	3.9	125,100	0.6
DGC VN	100,000	5.2	1,973,400	0.5
KBC VN	35,500	6.9	10,037,400	0.5
TCB VN	36,100	1.4	3,916,500	0.5
ACB VN	24,000	2.1	728,100	0.4
HPG VN	22,300	1.1	12,146,500	0.4

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	60,200	-0.5	3,602,700	-0.3
VJC VN	125,500	-1.5	644,400	-0.3
SAB VN	153,600	-1.0	25,900	-0.2
MSN VN	102,000	-0.5	287,100	-0.2
TMS VN	74,000	-6.3	87,700	-0.1
VCB VN	71,900	-0.1	811,500	-0.1
VIC VN	69,900	-0.1	1,212,400	-0.1
MWG VN	64,400	-0.2	1,606,300	0.0
TRA VN	86,200	-3.0	5,200	0.0
CVT VN	38,300	-6.5	100	0.0

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.